

Bản án số: 83/2019/HS-ST.

Ngày: 23 - 9 - 2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa.

Ông Nguyễn Hòa Đàm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Minh Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Ông Võ Hoài Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2019 tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố V đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 81/2019/TLST-HS ngày 09 tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2019/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh năm 1995 tại huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Nơi cư trú: Ấp B, xã H, huyện M, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn M và bà Nguyễn Thị H; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Năm 2013 bị xét xử phạt 06 tháng tù về hành vi hủy hoại tài sản; bị bắt tạm giam ngày 26/4/2019 đến nay, bị cáo có mặt.

2. Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 2000 tại huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Nơi cư trú: Ấp B, xã H, huyện M, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn P và bà Trần Thị H; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Tốt; bị bắt tạm giam ngày 02/5/2019 đến nay, bị cáo có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ 30 phút ngày 04/4/2019 Nguyễn Tấn Đ đến khu vực xã H, huyện M, tỉnh Vĩnh Long uống cà phê thì gặp Ngô Chí C, thấy C có xe mô tô biển kiểm soát số 64N4- 3699, nên Đ mượn để đi công việc cá nhân tại thị trấn L. Khi đến thị trấn L thì Đ gặp bạn là Nguyễn Văn T, vì T và Đ thường sử dụng ma túy chung với nhau, T rủ Đ hùn tiền mua ma túy sử dụng, ma túy mà T, Đ mua là 01 gói với giá tiền là 280.000 đồng. Do lúc này Đ còn có 70.000 đồng, nên T đồng ý bỏ ra thêm 210.000 đồng để mua, Đ điều khiển xe mô tô mượn của anh C chở T ngồi sau đến khu vực căn nhà hoang ở khu vực xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long, Đ ngồi ngoài xe chờ T đi vào căn nhà gặp người thanh niên không biết họ, tên, địa chỉ, T mua một gói ma túy loại Heroin với giá 280.000.000 đồng, T trở ra xe để Đ chở về, trên đường về Đ và T bàn nhau tìm nơi mua nước cất để sử dụng ma túy. Đến khoảng 08 giờ 45 phút cùng ngày cả hai ghé vào cửa hàng bán dụng cụ y khoa K tại số 66, đường T, Phường B, thành phố V, Đ chờ ngoài xe còn T vào cửa hàng mua nước cất và ông kim tiêm để sử dụng thì bị lực lượng Công an thành phố V đang đi tuần tra cùng Công an tỉnh Vĩnh Long phát hiện, khi bị phát hiện T liền ném gói ma túy xuống đất ngay vị trí đang đứng, Công an phát hiện bắt quả tang và kiểm tra gói giấy bạc T vừa ném phát hiện chất bột màu trắng nghi là ma túy, kiểm tra trên người T có 01 ông kim tiêm đã qua sử dụng và số tiền 15.000 đồng. Qua làm việc Đ và T đều thừa nhận chất màu trắng bên trong gói giấy bạc là chất ma túy loại heroin do T và Đ hùn tiền mua với giá 280.000 đồng để sử dụng, nên Công an đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Theo kết luận giám định số: 174/KLGD- PC09, ngày 05/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long kết luận: Số bột màu trắng thu giữ của Đ và T là ma túy loại heroin, có trọng lượng là 0,1334 gam.

Đối với người thanh niên bán ma túy cho T và Đ, do không biết họ, tên, địa chỉ nên không làm việc được, Công an tách riêng khi nào làm việc được xử lý sau.

Tại bản Cáo trạng số: 83/CT-VKSND-TPV ngày 07/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Tấn Đ về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Sau khi bị cáo nghe Kiểm sát viên đọc xong cáo trạng các bị cáo không có ý kiến gì và đồng ý với nội dung cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long đã truy tố đối với các bị cáo về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

Sau khi nghe lời trình bày của các bị cáo tại phiên tòa. Ý kiến của Kiểm sát viên là giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo Cáo trạng số: 83/CT-VKSND-TPV ngày 07/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đối với các bị cáo

Nguyễn Văn T, Nguyễn Tấn Đ về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Khi luận tội xong, Kiểm sát viên đề nghị phạt bị cáo T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù và đề nghị phạt bị cáo Đ từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù theo tội danh, điều luật mà cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo, về vật chứng đề nghị tịch thu tiêu hủy; trả lại cho bị cáo T số tiền 15.000 đồng và buộc các bị cáo chịu án phí theo quy định.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo Đ nói lời sau cùng: “*bị cáo đã nhận thức được hành vi của bị cáo là sai trái, bị cáo rất ăn năn, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo*” và bị cáo T không nói lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự “*Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm*”:

“e) *Heroin, Cocain.....có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam*”. Hành vi của các bị cáo được thể hiện là mua ma túy (Heroin) của người khác không rõ họ, tên, địa chỉ, tổng trọng lượng 0,1334 gam, đem về để sử dụng, nhưng các bị cáo chưa đem về tới nhà thì bị bắt giữ.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội, lời nhận tội của các bị cáo đã phù hợp với các chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người chứng kiến. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Tấn Đ về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo đã vi phạm pháp luật, các bị cáo trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền của Nhà nước về quản lý, cất giữ và trao đổi chất ma túy. Vì Nhà nước mới có quyền đó nhằm mục đích khám chữa bệnh, các bị cáo đã làm ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương, để lại hậu quả không tốt cho xã hội. Từ hành vi và hậu quả do các bị cáo gây ra, xét thấy cần phải xử phạt nghiêm, cần phải áp dụng hình phạt tù để cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định theo quy định tại

Điều 38 của Bộ luật Hình sự, để các bị cáo có thời gian học tập, cải tạo và trở thành người công dân có ích cho xã hội sau này.

Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện hành vi với vai trò đồng phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Bộ luật hình sự, nên áp dụng Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xem xét vai trò thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo, để có mức hình phạt tương xứng với hành vi của từng bị cáo đã thực hiện. Xét thấy rằng, đây chỉ là đồng phạm giản đơn, không có tổ chức, chỉ hai người thỏa thuận người chở, người mua mục đích để sử dụng chung, tiền cũng do hai bị cáo hùn lại, nên hình phạt áp dụng cho hai bị cáo cũng phải tương xứng nhau đối với hành vi này.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét về nhân thân của các bị cáo, hiện tại các bị cáo không có tiền án, không có tiền sự. Tuy nhiên, trước đây vào năm 2013 bị cáo T từng bị phạt tù về hành vi “*Hủy hoại tài sản*” và đã từng bị xử lý hành chính đưa đi cai nghiện bắt buộc, từ đó cho thấy nhân thân của bị cáo không tốt, nhưng khi phạm tội trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải, nên có căn cứ cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo Đ, không áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo T và mức hình phạt đối với bị cáo T cũng cần phải nghiêm khắc hơn mới là hợp lý.

Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy Kiểm sát viên đề nghị áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo T là có cơ sở, còn bị cáo Đ mức hình phạt có phần nghiêm khắc, cần được xem xét giảm nhẹ hơn vì bị cáo chỉ phạm tội lần đầu và việc đề nghị của Kiểm sát viên về xử lý vật chứng là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng..... tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”, do đó, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung như đã nêu trên. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa cho thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập, không có tài sản nào khác. Nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là có căn cứ.

[6] Về xử lý vật chứng: Hiện nay Cơ quan điều tra có giữ 02 ống kim tiêm đã qua sử dụng và 01 gói niêm phong sau giám định, đây là vật loại nhà nước cấm và vật không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Riêng số tiền là tiền cá nhân bị cáo không liên quan hành vi phạm tội, nên trả lại cho bị cáo là đúng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Về trách nhiệm nộp án phí: Mỗi bị cáo bị cáo còn phải nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết

số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Tấn Đ

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Tấn Đ phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày 26/4/2019; xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn Đ 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày 02/5/2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 02 ống kim tiêm đã qua sử dụng và 01 gói niêm phong sau giám định (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/8/2019 giữa Công an thành phố V và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V) và trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 15.000đ (*Mười lăm ngàn đồng*), theo biên lai thu tiền số 003982 ngày 08/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

3. Về trách nhiệm nộp án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Tấn Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Thanh Hồng

- Phòng hồ sơ CA tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TP V;
- Công an TP V;
- CC THA DS TP V;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 10 phút, ngày 23 tháng 9 năm 2019.

Tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hồ Thanh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa và ông Nguyễn Hòa Đàm.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 81/2019/TLST-HS ngày 09 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

Nguyễn Văn Trí, sinh năm 1995 và Nguyễn Tấn Đức, sinh năm 2000 tại huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật:

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về tội danh:

Các bị cáo Nguyễn Văn Trí và Nguyễn Tấn Đức phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Kết quả biểu quyết 3/3.

2. Về điều luật áp dụng:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Trí.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Tấn Đức.

- Áp dụng c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Kết quả biểu quyết 3/3.

3. Về mức hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Trí 02 (hai) tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày 26/4/2019.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn Đức 01 (một) tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày 02/5/2019.

Kết quả biểu quyết 3/3.

4. Về các vấn đề khác:

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.
- Tịch thu tiêu hủy 02 ống kim tiêm đã qua sử dụng và 01 gói niêm phong sau giám định (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/8/2019 giữa Công an thành phố Vĩnh Long và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long) và trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Trí số tiền 15.000đ (*Mười lăm ngàn đồng*), theo biên lai thu tiền số 003982 ngày 08/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.
- Buộc các bị cáo Nguyễn Văn Trí, Nguyễn Tấn Đức mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.
- Các bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

